

BỒ TÁT BỒ

XIX. ĐỨC NHẬT-QUANG, NGUYỆT-QUANG BỒ-TÁT



Đức Nhật-Quang Nguyệt-Quang Bồ-tát
佛薩光日

Trước đây có nói: Hai bên đức A-Di-Đà thì có hai vị Bồ-tát. Đó là Ngài Quán-Âm và Thế-Chí. Hai bên đức Thích-Ca thì có hai vị Bồ-tát Văn-Thù và Bồ-tát Phổ-Hiền. Nhưng có khi là hai Bồ-tát Dực-Thượng và Dực-Vương. Cũng theo một dạng thức ấy, hai bên đức Dực-Sư Như-Lai thì có: bên trái là Bồ-tát Nhật-Quang, bên phải là Bồ-tát Nguyệt-Quang.

Bồ-tát Nhật-Quang tên chữ Phạn là Suryaprabhasana (Tô-lị-dã-ba-la-bì-già-na), mật-hiệu là Uy-đức Kim-cang. Trong Mạn-trà-la của Thai-tạng giới, Ngài trụ ở viện Địa-tạng; vì Ngài coi giữ ánh quang-minh chiếu khắp nên có đủ vô lượng công-đức của Bồ-tát Địa-tạng. Hình tượng của Ngài, trong Thai-tạng giới là hình Bồ-tát, da trắng, tay cầm bảo-tràng, tay phải kiết ấn Dữ-nguyện, ngồi trên hoa sen đỏ (H. 36).

Trong *A-sa-phạ Sao*, đoạn nói về Tịnh-độ Tịnh Lưu-ly có ghi dung-mạo tượng của Ngài như sau: Thân tượng thường thấy của Ngài Bồ-tát Nhật-Quang màu hồng đỏ, bàn tay trái đặt nơi mặt trời, tay phải làm nên hình hoa Mạn-chu màu đỏ, hoặc đã nở, hoặc chưa nở, hay mới nở nửa chừng, hay là nắm quả thật của loài hoa đó.”

Bồ-tát Nguyệt-Quang tên chữ Phạn là Candraprabha (Chiến-đạt-la-bát-lạt-bà), còn có tên là Thánh Nguyệt-Quang Bồ-tát. Giống như mặt trăng sáng trắng giữa hư-không, muôn dặm không có mây, phóng ra hào-quang trong suốt, mát mẻ, không chút bợn nhơ. Ngài dùng pháp vui thanh-lương cao khiết để soi chiếu tất cả chúng sanh khiến họ hoan-hỷ, lìa khỏi các nạn khổ, sanh tử, phiền não, v.v...

Trong Mạn-trà-la của Thai-tạng giới Ngài trụ ở viện Văn-thù. Trong Mạn-trà-la của Kim-cang giới thì vị trí của Ngài ở ngoài hành lang của phương Tây bắc.

Hình tượng của Ngài tại viện Văn-thù là: hình đồng nam, màu vàng, tay cầm hoa sen chưa nở, tay trái cầm mặt trăng khuyết có một cánh hoa sen nhỏ bám vào, ngồi trên đài hoa sen màu đỏ.”

Hình tượng của Ngài trong Kim-cang giới thì: tay phải cầm hoa sen, trên hoa sen có hình bán nguyệt, tay trái đặt bên hông trái.”

Ngoài ra còn có một loại hình tượng hai tay cầm hoa sen, trên hoa có hình bán nguyệt. Nhưng loại hoa này thì ít thấy hơn.

Trong *A-sa-phạ Sao* đoạn nói về Tịnh-độ Tịnh Lưu-ly có ghi dung mạo tượng Ngài như sau: thân thường thấy của Bồ-tát Nguyệt-Quang màu hồng trắng, bàn tay trái làm hình mặt

trắng tròn, tay phải cầm hoa sen trắng hồng.”

XX. ĐỨC DƯỢC-THƯỢNG, DƯỢC-VƯƠNG BỒ-TÁT



Đức Dược-Thượng Dược-Vương Bồ-tát
像薩苦王黎

Những người biết đạo Phật ở thế-gian, phần nhiều đặt hai Bồ-tát Phổ-Hiền và Văn-Thù ở hai bên đức Thích-Ca Như-Lai. Nhưng cũng có người đặt hai vị Bồ-tát Dược-Thượng và Dược-Vương thay vào chỗ đó. Trường hợp sau ít thấy hơn.

Dược-Vương là anh, tên chữ Phạn của Ngài là Bhaisajjaraja. Dược-Thượng là em, tên chữ Phạn của Ngài là Bhaisajya-samudgata.

Hai vị Bồ-tát này không nhập vào hai bộ Mạn-trà-la, nhưng rải rác trong các kinh điển có thấy nói đến hai Ngài.

Trong *Quán Dược Vương, Dược Thượng Nhị Bồ-tát Kinh* có nói về lai-lịch của hai Ngài như sau: trong kiếp quá-khứ xa xưa có vị Phật hiệu là Lưu-ly Quang Phật, danh hiệu là Chánh An-ổn, nước tên là Huyền-thắng tràng. Sau khi đức Phật ấy nhập niết-bàn, đến thời kỳ tượng pháp có một ngàn vị tỳ-kheo phát tâm tu hành; trong số đó, có một vị tên là Nhật-Tạng, thông minh, đa trí, vì chúng-sanh mà nói pháp đại-bi bình-đẳng của Đại-thừa khiến đại-chúng sanh tâm hoan-hỷ, đem quả a-lợi-lặc và những món thuốc khác nhau cúng dường tỳ-kheo Nhật-Tạng và chư vị khác. (?) Em của Tinh-Tú quang là Điển Quang-minh thấy anh phát tâm đại Bồ-đề, bèn chẳng theo anh đem lương dược cúng dường Nhật-Tạng và các tỳ-kheo khác mà lại phát lời thệ-nguyện lớn. Lúc ấy, đại chúng tán thán cả hai người và gọi người anh là Dược-Vương và người em là Dược-Thượng.” Hai vị này mai sau sẽ thành Phật, xưng là Thế-Chí Như-Lai và Tịnh-Nhân Phật.

Truyền thuyết nói rằng: khi còn tại thế, hai Ngài đã từng thiêu thân để cúng dường Phật, hết sức làm công-đức, giống như khói hương lữ lướt đầy khắp bốn phương, lâu đến ngàn năm vẫn không hết hạn lượng.

Trong *Uy-Nghi Hình Sắc Kinh* ghi về tôn tượng của hai Ngài như sau: trên đỉnh có mũ diệp báu, tóc màu cam rủ xuống hai bên tai, thân màu ánh mặt trời buổi sáng, “Định” đứng bên trái nhìn xuống gối, “Huệ” thủ bên phải chỉ mây trên mặt trời. Ngài ngồi kiết-già ép hai bên, tướng đại-bi cứu đời, thân trùm diệp-hoa-man, có áo trời và anh-lạc, vòng xuyên ở hai tay, dùng vải mịn làm khăn lưng, lụa hoa đỏ làm diệp xiêm. Thân tướng tốt trang-nghiêm, ánh sáng toả quanh thân, hoa sen báu làm tòa, an-trụ trong vầng-nguyệt. (H.37)

Hình tượng của hai Ngài không đồng với các Bồ-tát trong số 25 vị đã được trình bày.

XXI. ĐỨC MÃ-MINH BỒ-TÁT



Đức Mã-Minh Bồ-tát
馬明菩薩

Tên chữ Phạn của đức Thánh-tôn này là Ashvaghosa ‘A-thấp-phạ-lâu-sa’. Tại nước Nhật, Ngài được đa số dân chúng ở nông thôn thờ phượng. Sắc tướng Ngài da trắng, hai tay chắp lại, ngồi trên hoa sen trắng, đặt trên ngựa trắng, thân mặc áo trắng, có anh-lạc trang sức để biểu-lộ sự trang-nghiêm, đầu đội mũ hoa, chân phải thòng xuống ngang bụng ngựa.

Trong *Đồ Tượng Sao* có ghi tượng sáu tay. Trong *Thập Quyển Sao* và *A-sa-pha Sao* thì tượng sáu tay làm trung-tôn của Mạn-trà-la. Tượng có màu trắng, đầu đội mũ hoa, bên trái tay thứ nhất cầm bình báu (?), tay thứ hai duỗi ra, ngón cái đề lên ngón áp út, tay thứ ba cầm tơ sợi. Bên phải, tay thứ nhất cầm sáo, tay thứ hai bắt ấn Thí-nguyện, tay thứ ba cầm cái rìu (H.38)

Bồ-tát Mã-Minh soạn ra bộ *Đại-Thừa Khởi Tín Luận* xuất sanh trong lòng Bà-la-môn ở thành Sa-kỳ-đa tại miền trung Ấn-độ. Ngài là một người học rộng, có nhiều tài năng. Trước kia tin theo ngoại-đạo, sau khi đến nước Ma-yết-đà cùng biện luận với các bậc học-giả theo Phật giáo, bị Phú-lâu-na khéo thu-phục làm đệ-tử. Về sau Bồ-tát du hành ở trung và bắc Ấn-độ, làm ra khúc hát Lại-xá Hoà-la để tiện tỏ bày giáo-lý, khiến cho 500 người con em dòng quý tộc thành Hoa-thị xuất gia. Nhân đó mà thanh danh Mã-Minh được truyền rộng đến khắp xứ Ấn-độ. Người ta gọi ngày ấy là ‘ngày công-đức’.

Sách do Ngài soạn ra rất nhiều. Những quyển chính đã được truyền sang nước ta gồm có:

- *Đại Trang-nghiêm luận Kinh* do Ngài La-Thập dịch.
- *Phật Sở Hành Tán* do Đàm Vô Sấm dịch.
- *Đại-thừa Khởi Tín Luận* do Chân-Đế dịch.
- *Lục Thú Luân Hồi Kinh* do Nhật-Xứng dịch.
- *Thập-thất Thiện Nghiệp Đạo Kinh* và *Ni Kiền Vấn Vô Ngã Nghĩa Kinh*.

XXII. HAI MƯƠI LĂM VỊ BỒ-TÁT

Đức Phật A-Di-Đà, giáo-chủ của thế-giới Cực-lạc ở phương tây là vị lãnh-đạo hai mươi lăm thánh chúng trong việc nghinh tiếp những hành-giả niệm Phật được vãng sanh. Hai mươi lăm vị Bồ-tát đó là:

- | | |
|---------------------------|--------------------------------|
| 1. Đức Quán Thế-âm Bồ-tát | 2. Đức Đại Thế-chí Bồ-tát: |
| 3. Đức Dực-Vương Bồ-tát: | 4. Đức Dực-Thượng Bồ-tát: |
| 5. Đức Phổ-Hiền Bồ-tát: | 6. Đức Pháp Tự-Tại Bồ-tát: |
| 7. Đức Sư-Tử hống Bồ-tát: | 8. Đức Đà-la-ni Bồ-tát: (H.40) |

- | | |
|-----------------------------------|--|
| 9. Đức Hư-Không Tạng Bồ-tát: | 10. Đức Đức-Tạng Bồ-tát: |
| 11. Đức Bửu-Tạng Bồ-tát: | 12. Đức Kim-Tạng Bồ-tát: |
| 13. Đức Kim-Cang Tạng Bồ-tát: | 14. Đức Sơn-Hải Tuệ Bồ-tát: (H.41) |
| 15. Đức Quang-Minh Vương Bồ-tát: | 16. Đức Hoa-Nghiêm Vương Bồ-tát: |
| 17. Đức Chúng-Bửu Vương Bồ-tát: | 18. Đức Nguyệt-Quang Vương Bồ-tát: |
| 19. Đức Nhật-Chiếu Vương Bồ-tát: | 20. Đức Tam-Muội Vương Bồ-tát: |
| 21. Đức Định Tự-Tại Vương Bồ-tát: | 22. Đức Đại Tự-tại Vương Bồ-tát: (H.42). |
| 23. Đức Bạch-Tượng Vương Bồ-tát: | 24. Đức Đại Uy-Bức Vương Bồ-tát: |
| 25. Đức Vô-Biên Thân Bồ-tát: | |

Hai mươi lăm vị Bồ-tát trên đây đều hộ-niệm cho chúng sanh niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà. Tôn danh của chư vị cũng từ kinh *A-Di-Đà Phật Quốc* mà ra. Truyền thuyết nói rằng kinh ấy là một quyển *nguy*¹ kinh xưa nay.

Tôn dung của chư vị hoặc đứng hoặc ngồi, có tượng vẽ hay bằng gỗ, với các vật cầm tay cũng không thống-nhất nhau. Chư vị đều hầu chung quanh Phật A-Di-Đà trong ánh hào quang màu vàng rực rỡ, có mây tiá vắn vũ, có nhạc trời phát ra những điệu âm ca hát, để tiện nghinh tiếp chúng sanh niệm Phật.

Hình tượng của hai mươi lăm vị Bồ-tát được mô tả như sau:

1. Quán Thế-âm Bồ-tát: Ngài hầu bên trái đức A-Di-Đà, hai tay bưng đài sen tiá, phần trên của thân hơi nghiêng về phía trước. Ngài đứng trên hoa sen. Có tượng ngồi, gương mặt mỉm cười, tỏ vẻ nghinh tiếp hành giả niệm Phật. (Xin xem lại chương VIII-Bồ-tát bộ 1)

2. Đại Thế-chí Bồ-tát: song song với đức Quán Thế-âm, Ngài hầu bên phải Phật A-Di-Đà, hai tay chấp lại, đứng hoặc ngồi trên đài sen. Ngài chủ trì việc khen ngợi hành giả được vãng sanh thế-giới cực-lạc.

3. Dục-Vương Bồ-tát: tay trái cầm tràng phan, đứng trên đài sen, tỏ vẻ hoan hỷ nghênh đón hành giả được vãng sanh thế giới cực-lạc.

4. Dục-Thượng Bồ-tát: hai tay cầm giữ ngọc-phan, như đang đứng hóng gió, mặt tươi cười.

5. Phổ-Hiền Bồ-tát: thông thường Ngài cười voi trắng, trong số 25 vị Bồ-tát này, hình tượng của Ngài có hai tay bưng lọng che, tỏ vẻ tán thán hành-giả mới được vãng sanh.

6. Pháp Tự-Tại Bồ-tát: hai tay Ngài cầm chuỗi hoa, (H.39), biểu thị sự hoan-hỷ phát xuất từ đáy lòng, tỏ vẻ đến nghênh tiếp hành-giả với lời ca, điệu múa. Có thuyết nói: Ngài với Bồ-tát Văn-Thù chỉ là một, nhưng mà khác tên.

7. Sư-Tử hống Bồ-tát: Ngài đứng trên đài hoa sen, thổi nhạc khí, tỏ ra có đủ uy-đức vô-úy, giống như chúa tể của loài vật, dũng-mãnh.



Đức Pháp Tự-Tại Bồ-tát
像薩菩在自法

¹ *nguy*: đối trá, không được danh chánh ngôn thuận.

Trong kinh *Duy-Ma*, phẩm Phật-quốc, có nói: “ Sư-tử hồng... tên nghe khắp mười phương... hàng phục ma oán, chế-ngự ngoại-đạo, hết thấy đều đã thanh-tịnh, vĩnh viễn xa lìa các sự trôi buộc, ngăn che, tâm thường an-trụ, giải-thoát vô-ngại.”

Do đó, có thể thấy rằng uy-đức của Bồ-tát này; mặc-dù ai đó là hạng siêu-phàm nhưng cũng khó lòng mà so- sánh được.



Đức Đà-la-ni Bồ-tát
像薩菩尼羅陀

8. Đà-la-ni Bồ-tát: hai tay cầm nhẹ một góc áo trời, cất chân phải, tỏ vẻ rất khoan-khoái nên nhảy múa. Đà-la-ni là chữ Phạn, dịch sang Hán-Việt là tổng-trì, hoặc năng-trì. Trong *Bí Tạng Ký Sao* nói: Đà-la-ni là tổng-trì, một chữ Đà-la-ni bao gồm tất cả tư-tưởng, giống như trời đất bao hàm tất cả vạn-vật. Vì vậy, có thể nói sức bao-bọc của Thánh-tôn này rất to lớn; do đó mà có tên Ngài như vậy. (H.40)

9. Hư-Không Tạng Bồ-tát: Ngài đứng trên đài hoa sen, hai tay đánh trống. (Xin xem lại chương VIII-Bồ-tát bộ 1)

10. Đức-Tạng Bồ-tát: Ngài đứng trên đài hoa sen, hai tay làm động tác thổi cái sên². Đức Thánh-tôn này có vô lượng bi-tâm, ứng với căn cơ của tất cả chúng sanh, mở kho báu công-đức đại-

bi để làm lợi ích giáo-hóa tất cả.

11. Bửu-Tạng Bồ-tát: Ngài đứng trên đài hoa sen, làm động tác thổi sáo. Bí-tạng của Thánh-tôn này có bảy loại trân bảo, ứng với nguyện-vọng của tất cả chúng sanh. Tùy thời, Ngài đả-khai bửu-tạng, chia đều, cấp phát cho tất cả chúng sanh, khiến họ có thể đạt được các loại ân- huệ.

12. Kim-Tạng Bồ-tát: Ngài đứng trên đài hoa sen, làm các động tác như chơi đàn, chép sách. Dừa và công-đức như tên gọi, đức Thánh-tôn này gia-nhập thánh chúng của Tịnh-độ Cực-lạc. Công-đức của Ngài đầy đủ, giống như vàng ròng, nên gọi là Kim-cang bất hoại; nước lửa chẳng xâm phạm. Dùng các thí dụ đó để biểu-thị công-đức trong sạch bền vững của Ngài, không gì có thể làm dơ bẩn được.

13. Kim-Cang Tạng Bồ-tát: Ngài ngồi trên đài hoa sen, làm động tác đánh đàn cầm. Đức Thánh-tôn này có đủ trí-tuệ kim-cang chẳng hoại. Để dứt trừ hết các nghi-hoặc và phiền-não chướng của chúng sanh, Ngài lấy đại công-đức vô-tận cấp cho tất cả chúng sanh, nhân đó mà có tên như vậy.

14. Sơn-Hải Tuệ Bồ-tát: Tay trái dặt trên đầu một chiếc không-hầu³ có ba mũi nhọn; tay phải làm động tác từ bỏ nhẹ nhàng. Trí-đức cao khiết của Thánh-tôn này, giáo-hóa và làm lợi-ích cho tất cả chúng sanh. Trí-đức cao thâm của Ngài giống như núi cao, biển sâu, cho nên Ngài có tên như vậy. (H.41)

15. Quang-Minh Vương Bồ-tát: Ngài ngồi trên đài hoa sen, làm động tác đang gảy đàn



Đức Sơn Hải-Huệ Bồ-tát
像阿彌陀佛

² Một loại nhạc cụ thuộc bộ hơi, làm bằng quả bầu, trên đó khoét 13 lỗ, thổi ra âm thanh nghe rất hay.

³ Một loại nhạc cụ thời xưa, giống như cái đàn sắt (?) vậy.

tỳ-bà. Tên của Ngài được giải thích như sau: hai chữ Quang-Minh bày tỏ trí-tuệ sáng suốt; chữ Vương diễn tả ý ‘hơn hết’; thành ra Quang Minh Vương là ‘sáng suốt như ánh quang minh mặt trời mặt trăng của chư Phật, không gì vượt quá nổi. Vì vậy mà gọi Ngài là Quang-minh Vương Bồ-tát.”

16. Hoa-Nghiêm Vương Bồ-tát: Ngài đứng trên đài hoa sen, hai tay làm động tác tán-thán. Nhan vì Ngài làm vạn hạnh như hoa, dùng hoa đó để trang nghiêm quả địa nên gọi là Hoa-Nghiêm, hoặc muôn đức của quả Địa như Hoa, lấy pháp thân để trang nghiêm quả địa ấy nên gọi là Hoa-Nghiêm.

17. Chúng-Bửu Vương Bồ-tát: Ngài đứng trên hai đài sen làm động tác đánh xập-xõa. Ngài có bảy loại trân bảo. Ngài tập hợp được tất cả châu báu⁴ vào một thân, ứng hợp với các căn cơ của chúng sanh, cấp phát bình-đẳng cho tất cả.

18. Nguyệt-Quang Vương Bồ-tát: Ngài đứng trên hai đài sen, tay phải cầm trống rung, tay trái thì ngón giữa và ngón áp út cong lại cho ngón cái trải nhẹ qua, ngón trở và ngón út để đứng, cất nhẹ chân trái, tỏ vẻ rất vui thích làm động tác nhảy múa.

Đức Thánh-tôn này dùng tánh đức viên-mãn không khuyết như mặt trăng tròn sáng để làm lợi ích và hóa độ cho tất cả chúng sanh cho nên có tên như vậy.

19. Nhật-Chiếu Vương Bồ-tát: Ngài đứng trên đài sen, làm động tác đánh chiêng. Ngài dùng trí-tuệ sáng suốt của mình soi phá hết thấy các chỗ u-ám của chúng sanh; ứng hợp với căn cơ của họ. Ngài lấy trí-đức ấy làm lợi-ích và hóa-độ cho tất cả chúng sanh.

20. Tam-Muội Vương Bồ-tát: Tay trái mang giỏ có nhiều hoa sen, tay phải như đang rải hoa, tỏ vẻ vui sướng ca ngâm. Đức Thánh-tôn này trong Tam-muội Sở-đắc có phần đức tự-tại, do đó mà có tên Ngài như thế.



Đức Đại Tự-Tại Vương Bồ-tát
像薩菩王在自大

21. Định Tự-Tại Vương Bồ-tát: Ngài ở phía sau cái trống lớn, được trang sức bằng ánh lửa sáng tốt đẹp, hai tay đang làm động tác đánh trống. Ở trong thiên-định, Ngài có thể biến hóa tự-tại; trong định lực; Ngài hiện ra ánh lửa; trong định nước, Ngài hiện ra sóng, có đủ phần đức tự-tại vô ngại. Do đó, mà có tên Ngài như vậy.

22. Đại Tự-tại Vương Bồ-tát: Ngài đứng trên đài hoa sen làm động tác gảy một nhạc cụ nhỏ chế bằng kim-loại. Đức Thánh-tôn này dựa vào phần đức biến hóa tự-tại vô- ngại của mình mà cứu độ tất cả chúng sanh. Do đó mà có tên Ngài như vậy (H.42).

23. Bạch-Tượng Vương Bồ-tát: Ngài đứng trên đài hoa sen, làm động tác thổi sáo. Ngài có uy-lực lớn như một thớt voi trắng, đầy đủ muôn đức, hay phát sức đại-từ. Ngài dùng uy-lực đại từ-bi để cứu vớt tất cả chúng sanh. Do đó mà có tên Ngài như vậy.

24. Đại Uy-Bức Vương Bồ-tát: Ngài lướt nhìn chuỗi ngọc, có tướng trạng đang nói pháp. Tên Ngài là Đại Uy-đức Vương, vì chữ ‘Đại’ bày tỏ sự rộng lớn vô-biên; chữ ‘Uy’ tức là oai thế; chữ ‘Đức’ nói về công-đức; chữ ‘Vương’ diễn tả ý tự-tại. Ngài dùng uy-đức rộng lớn vô

⁴ Tiêu biểu cho các đức-hạnh tốt.

biên để cứu độ tất cả chúng sanh nên gọi như vậy.

25. Vô-Biên Thân Bồ-tát: Tay phải cầm nhánh dương- liễu, tay trái bắt ngọc trai. Ngài đứng trên đài hoa sen. Ngài đồng thể nhưng khác tên với Địa-tạng Bồ-tát.

XXIII. ĐỨC BÁT-NHÃ BỒ-TÁT



Đức Bát-Nhã Bồ-tát
像蘇若般若

Bát-Nhã Bồ-tát tên chữ Phạm là Prajna-paramita ‘Ba-la-chỉ-năng-ba-la-mật-đa’. Ngài là bốn tôn của kinh Đại-Bát-nhã, và là mẹ sanh trí-tuệ của ba đời chư Phật. Trong Mạn-trà-la của Thai-tạng giới, Ngài ở viện Trì-minh và viện Hư-không. Trong Mạn-trà-la của Kim-cang giới, Ngài là một trong bốn vị Kim-cang hộ-pháp thân cận đức Phật Bất-không Thành-tựu ở phương Bắc. Ngài đồng một bản- thể với các vị hộ-pháp kia.

Hình-tượng của Ngài có hai loại: một loại sáu cánh tay và một loại hai cánh tay. Hai loại đó được phân-biệt như sau:

1. Tượng sáu tay trong viện Trì-minh của Mạn-trà-la thuộc Thai-tạng giới thì trong *Chư Thuyết Bất Đồng Ký*, quyển bốn, có ghi dung-mạo của Ngài như sau: bên trái Hồng-ca-la, phía dưới đức A-di-Đà, ở giữa có tượng sáu tay, đeo ngọc ở tai, mặc áo cà-sa kép bằng lụa màu ngọc xanh. Bên phải, tay thứ nhất để nghiêng lòng bàn tay, cong ngón trở và ngón cái áp vào nhau; tay thứ hai giang ra hơi, lòng bàn tay để đứng, co ngón áp út hướng về thân; tay thứ ba mở khuỷu buông xuống đặt ở gối ấn thí- nguyện. Bên trái, tay thứ nhất ngửa bàn tay đặt nơi tim, cầm tráp Phạm; tay thứ hai giang ra, khuỷu tay thẳng, bàn tay để ngửa, ngón áp út co hướng về bên trái, chỉ vào đầu; ngửa bàn tay thứ ba đặt dưới rốn, ngón cái hơi cong. Thân ngồi kiết-già trên toà sen báu (H.43). Sau đỉnh có nhiều lớp hào-quang ngũ sắc.”

Trong *Thánh Phật-Mẫu Tiểu Tự Bát-Nhã Ba-la-mật-đa Kinh* có ghi tượng sáu cánh tay, ba mặt ba mắt, thân màu vàng, ngồi toà sư tử. Vật cầm tay thì: bên phải, một tay lần chuỗi hạt, một tay cầm tên, tay thứ ba bắt ấn thí-nguyện. Bên trái, một tay cầm kinh, một tay cầm cung, tay thứ ba cầm ngọc như-ý.

2. Tượng hai tay: Loại tượng này có những hình dáng như sau:

a) Trong viện Hư-không của Mạn-trà-la thuộc Thai-tạng giới có tượng hai tay, tay trái cầm kiếm, đặt ở bên hông, tay phải, để đứng, cong ngón trở và ngón giữa, thân mặc áo cà-sa.

b) Tay phải ấn thí-nguyện, tay phải cầm tráp Phạm. Trong *Đà-la-ni Tập Kinh* quyển ba nói: thân màu trắng, mặt có ba con mắt. Tượng giống thiên-nữ, hình mạo đoan-chính như hình Bồ-tát, ngồi kiết-già trên toà sư-tử; đầu đội mũ trời, phóng hào-quang to bằng cái nia, tai đeo ngọc báu, dưới đỉnh đeo anh-lạc thất bảo, hai cánh tay co lại: tay trái co khuỷu đặt ở bên trên ngực, bàn tay ngửa ra, năm ngón duỗi; trong bàn tay có hộp chứa bảy kinh báu, trong đó có đủ 12 bộ kinh, tức là tạng Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tay phải thông xuống, bàn tay úp trên đầu gối phải, năm ngón duỗi thẳng, tức là tay vô-úy của Bồ-tát. Trên thân Bồ-tát quấn áo the năm màu, từ lưng trở xuống, mặc quần màu ráng đỏ buổi sáng.

c) Trong *Nhân Vương Bát-Nhã Niệm Tụng Pháp* nói: tay phải ấn thuyết pháp, tay trái cầm tráp Phạn, v.v...

XXIV. ĐỨC ĐẠI-TUỖY CẦU BỒ-TÁT



Đức Đại Tuỳ-Cầu Bồ-tát
像薩菩求隨大

Tên chữ Phạn của vị Thánh-tôn này là Maha-pratisara ‘Ma-ha-bát-la-để-tát-lạc’. Ngài là một Bồ-tát trong viện Liên-hoa bộ của Mạn-trà-la thuộc Thai-tạng giới. Một danh hiệu nữa của Bồ-tát này là Đại Minh-vương. Ai niệm Bồ-tát và đọc tụng ngâm nga mật chú về Ngài thì cầu gì cũng được Ngài ban cho, đúng như sở-nguyện. Do đó mà có tên Ngài như vậy.

Về hình tượng của Ngài, trong *Mật Tạng Ký* có nói: Thân Ngài màu vàng đậm, có tám cánh tay. Bên trái, tay thứ nhất cầm hoa sen, trên có kim-luân phát ra ánh lửa; tay thứ hai cầm tráp Phạn. Tay thứ ba giữ bảo-tràng, tay thứ tư cầm dây tơ. Bên phải, tay thứ nhất cầm bạt-chiết-la năm chấu, tay thứ hai cầm bàng câu, tay thứ ba cầm kiếm báu, tay thứ tư cầm búa. (H.44)

XXV. ĐỨC LONG-THỌ BỒ-TÁT

Tên chữ Phạn của Ngài là Nagarjuna ‘Na-già-át-la-thọ-na’, dịch là Long-mãnh Bồ-tát, Ngài là đệ tử của Ca-tỳ-ma-la tôn-giả, học trò của Mã Minh Bồ-tát.

Sử của Phật Giáo đại-thừa đã nâng cao thanh danh của Bồ-tát này. Ngài sanh trong dòng Bà-la-môn, tại nước Tỳ-đạt-bà ở miền nam xứ Thiên-trúc vào cuối thế kỷ thứ hai Tây-lịch, viên-tịch ở cuối thế kỷ thứ ba.

Trong *Phụ Pháp Tạng Nhân Duyên Truyện* và *Long Thọ Bồ-tát Truyện* có nói về Ngài như sau:

*Chuyện thông-minh kỳ-ngộ,
Không từng diễn hai lần:
Khi đang còn bú mớm,
Nghe bốn vạn câu kệ
Do Phạm Chí đọc tụng
Trong kinh điển Vi-đà*

Thanh-danh lan rộng, nên tâm khởi kiêu-mạn, Ngài muốn tịnh cái tâm ấy thì mới bắt đầu thấy rằng: cái Muốn là Gốc của sự Khổ. Tâm chán muốn, liền phát sanh ý-nguyện xuất gia. Muốn được thoát Ngã, phải đến Sa-môn cầu pháp xuất gia. Ngài đến tháp Phật, nhận giới xuất gia. Trong 90 ngày, Ngài đọc tụng ba tạng kinh đều thông hết các ý-nghĩa thâm-sâu, bèn cầu các kinh khác nhưng không được. Ngài vào Tuyết-sơn gặp một ông lão tặng cho kinh điển đại-thừa; thông được thực nghĩa các kinh đó nhưng Ngài vẫn chưa thỏa nguyện mà còn cầu các kinh khác nữa. Sau nhập Long-cung Ngài lại đọc tụng kinh điển đại-thừa và cảm nhận rằng cần phải biểu-dương Phật pháp đại-thừa.

Tại nước Kiêu-tát-la ở nam Ấn-độ có dẫn chứng rằng: Ngài Long Thọ hoàng dương Phật-giáo tại nam Thiên-trúc. Ngài khắc-phục ngoại đạo, rộng giảng Ma-ha-diễn khiến cho 10 vạn người ở Bà-đề-xá chột tỉnh và khâm phục. Ngài lại làm năm ngàn bài kệ *Trang Nghiêm Phật Đạo Luận*, 50 kệ *Đại-từ Phương Tiện Luận*, lãnh đạo đại hạnh Ma-ha-diễn ở Thiên-trúc. Ngài còn tạo 10 vạn kệ Vô-úy Luận, và từ Vô-úy Luận mà sanh ra Trung-luận.”

Bồ-tát Long Thọ có thỉnh được kinh điển đại-thừa ở Long cung. Truyền thuyết nói rằng chủng tộc của Ngài lấy rồng làm tổ tiên, và chủng tộc này còn ở miền bắc Ấn-độ.

Bồ-tát Long Thọ còn được gọi là “Thiên-bộ Luận chủ”. Ngài soạn rất nhiều sách, sau đây là các sách chính yếu, một số đã được người Trung-hoa dịch ra gồm có:

- Trung Quán luận,
- Thập Nhị môn luận
- Đại trí-độ luận và Thập trụ tỳ-bà-sa luận do Ngài La-Thập dịch.
- Thập bát không luận, do Chân-Đế dịch.
- Đại-thừa phá hữu luận do Thí-Hộ dịch.
- Bồ-đề Tâm luận.
- Tán Pháp giới tụng.
- Thập Nhị môn luận.
- Quảng đại phát nguyện tụng.
- Bồ-đề tư-lương luận, do Đạt-ma-cấp-đa dịch.
- Hồi tịnh-luận do Cù-Vân Lưu-Chi dịch.
- Phương tiện tâm luận, do Kiết-Ca-dạ dịch.
- Phước cái chánh hạnh sở tập kinh, do Nhật-Xứng dịch.
- Long Thọ Bồ-đề khuyến giới vương tụng, do Nghĩa Tịnh dịch.

Về hình tượng của Ngài thì trong *A-sa-phạ Sao* nói: Ngài thân Thanh-văn, mặc áo cà-sa, ngồi trên hoa sen, hai tay chấp lại.”

Trong *Giác Thiền Sao* thì ghi rằng: Ngài là một trong số năm đức Phật A-di-Đà.

